

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3768771

Fax: 0247 3766149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ BÍ ĐAO**
2. Thành phần: Nước, đường, hương liệu bí đao tổng hợp, cốt trà bí đao (1 g/l), phẩm màu tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói:
 - + Đóng lon với thể tích thực ở 20 °C: 320 ml hay theo nhu cầu thị trường.
 - + Đóng khay, thùng với thể tích thực ở 20 °C: 7,68 L (24 lon x 320 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.
 - + Đóng hộp quà với thể tích thực ở 20 °C: 1,92 L (6 lon x 320 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.
 - Chất liệu bao bì: Lon nhôm, nắp nhôm, hộp giấy. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất: TCCS số: 03-NGK/TBCBD/2024.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 23 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	TRÀ BÍ ĐAO	TCCS số: 03-NGK/TBCBD/2024
------------------------------------	------------	-------------------------------

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Thơm đặc trưng của sản phẩm không có mùi lạ, ngọt hài hòa.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	25,6 – 38,4	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	6,4 – 9,5	
3	Đường tổng số	g/100 ml	6,2 – 9,3	
4	Natri	mg/100 ml	≤ 20	



3. Chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliform	CFU/ml	10
3	<i>E. Coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05

TRIBECO

TRIBECO

Trà Bí Đao

Cốt Trà Bí Đao (1 g/l)

Winter Melon Tea

Winter Melon Concentrate (1 g/l)

Giải nhiệt - Giải khát

Cooling - Refreshment

Hướng dẫn sử dụng:

Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.
Dùng ngay sau khi mở nắp.
Đôi khi màu sắc thay đổi, hiện tượng lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Tư vấn khách hàng:

chamsockhiachanh@tribeco.com.vn

Đường dây nóng:

02743259884 - 09216288628



Thế giới thực ở 20°C:

320 ml

Net content at 20°C:

320 ml

Sản xuất tại Việt Nam



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	32 kcal
Carbohydrat	8,0 g
Đường tổng số	7,9 g
Natri	≤ 20 mg

Thành phần:

Nước, đường, hương liệu bí đao tổng hợp, cốt trà bí đao (1 g/l), phẩm màu tổng hợp (E150d), chất điều chỉnh độ acid (E500(ii)), chất tạo ngọt tổng hợp (E950, 955).

Thông tin cảnh báo:

Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.
NSX & HSD: Xem dưới đây / on.

SỐ TCE:

03-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2024

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Sản xuất tại:

B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Black

Li.Green

Red

Yellow

Dk.Green

White

Trà Bí Đao - Tr124

Pro.code: 52-98

27/12/2024

140x181
202

Allu



CROWN HÀ NỘI

330ml Sleek KEYLINE-deVIB



Thức
Thủy
bình
31/12/24
Linh
Đoàn
31/12/24
Lê Dung
Linh
2024.1.3

TRIBECO

TRIBECA

Tra Bi' d'ao

Cốt Trà Bí Đao (1 g/l)

Winter Melon Tea

Winter Melon Concentrate (1 g/l)

Nước, đường, hương liệu bị đào tổng hợp, cốt trà bị đào (1 g/l), phẩm màu tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid (500(l)), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955).

(950, 955).

Thông tin cảnh báo:

Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.

NSX & HSD: Xem dưới đây lon.

Số TCB:

03-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2024

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH TRIBECHO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp

Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa,

Thanh pho

Việt Nam.

Sản xuất tại:
D: CÔNG TY TNHH TRIPECO PNH DIKONC

Số 8 đường số 11 khu công nghiệp B. Công I I TNHH I KIBECO BÌNH DƯƠNG

Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương,

Việt Nam

H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II,

Thị Trần Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh

Hung Yen, Việt Nam.



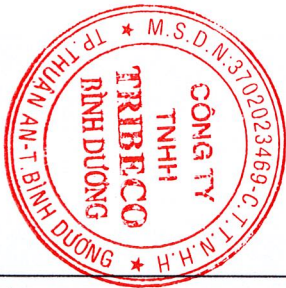
Uni-President

Uni-President

2 mm

129 mm

181 mm



Neck 9 mm

117 mm

3 mm
2 mm

Nguyễn Văn Hùng
Lê Hùng 28.03.2025
Lương Văn Hùng
20.05.2025

Nguyễn Văn Hùng
28.02.2025

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

TRIBECO

Trà Bì Đao

Cốt Trà Bì Đao (1 g/l)

TRIBECO

Winter Melon Tea

Winter Melon Concentrate (1 g/l)

Hướng dẫn sử dụng:

Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.
Dùng ngay sau khi mở nắp.
Đôi khi màu sắc thay đổi, hiện tượng lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Tư vấn khách hàng:

Giamsoc@hachhang@tribeco.com.vn

Đường dây nóng:

02743769884 - 02216283628



8 935001 000440

Sản xuất tại Việt Nam

Thể tích thực ở 20 °C:

240 ml

Net content at 20 °C:

240 ml

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	32 kcal
Carbohydrat	8,0 g
Đường tổng số	7,9 g
Natri	≤ 20 mg

Thành phần:

Nước, đường, hương liệu bí đao tổng hợp, cốt trà bì đao (1 g/l), phẩm màu tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955).

Thông tin cảnh báo:

Không dùng sản phẩm quả hạn sử dụng.
MSX & HSD: Xem dưới đây lon.

Số TCB:

03-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2024

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp

Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa,

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương,

Việt Nam.

Sản xuất tại:

B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp

Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa,

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương,

Việt Nam.

H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Đường D2 khu công nghiệp Yên Mỹ II,

Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh

Hưng Yên, Việt Nam.

129 mm

2 mm

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y233F1764

Mã KQ/ RP. No: 001036041.01

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả Mã số 1Y233F1764, Mã KQ 001036041.00 ban hành ngày 18/06/2024/
This report replaces the Ref. No 1Y233F1764, RP. No 001036041.00 issued on 18/06/2024)

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : **Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hoà, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : **13/06/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : **13/06/2024 - 18/06/2024**
- Thông tin mẫu/ Infomation of Sample (c)** : **TRÀ BÍ ĐAO**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : **Mẫu chứa trong lon thiếc kín**
Nguyên lon 320ml * 3 lon
NSX: 230524
HSD: 230526

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng/ Calories	32	kcal/100mL	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Hàm lượng chất đạm (*)/ Total protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-001:2018
3	Hàm lượng chất béo (*)/ Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-002:2018
4	Carbohydrat (*)	7.94	g/100mL	-	TS-KT-HCB-004:2020
5	Đường tổng số (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	7.77	g/100mL	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
6	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	14.2	mg/100mL	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
7	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	< 1	CFU/mL	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
9	Coliforms (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
10	<i>Escherichia coli</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
11	<i>Streptococci faecal</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT-VS-31:2019
12	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	AOAC 975.55

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y233F1764

Mã KQ/ RP. No: 001036041.01

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT VS-30:2019
14	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
15	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Huỳnh Tấn Cường
HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04